

PHỤ LỤC 02

MẪU ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 1527/GDNN-GDĐT-GDNN ngày 03 tháng 10 năm 2025
của Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên)

<TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP QUẢN LÝ>
<TÊN TRƯỜNG>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đăng ký đánh giá, công nhận
trường cao đẳng chất lượng cao năm 2025

....., ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên

Thực hiện nội dung Công văn số /GDNN-GDĐT-GDNN ngày/2025 của
Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên về việc đăng ký đánh giá,
công nhận trường cao đẳng chất lượng cao năm 2025.

<TÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG> đã tiến hành nghiên cứu tài liệu hướng dẫn
đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao và có nguyện vọng
đăng ký đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao năm 2025 (*thông tin
đăng ký chi tiết kèm theo*).

Kính đề nghị Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên xem xét
và tạo điều kiện để <TÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG> được đánh giá, công nhận
trường cao đẳng chất lượng cao năm 2025.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Quý Cục./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- <Cơ quan/đơn vị trực tiếp quản lý>... (để b/c);
- Lưu: VT, ...

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ tên và đóng dấu)

+ Email:

3.1. Số lượng

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý		
2	Nhà giáo		
3	Nhà giáo cơ hữu		
4	Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đôi /nhà giáo		

3.2. Trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Số lượng (người)	Ghi chú
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		
3	Đại học		
4	Cao đẳng		
5	Trung cấp		
6	Công nhân bậc 5/7 trở lên		
7	Trình độ khác		

4. Các ngành, nghề đào tạo và kết quả tuyển sinh hằng năm

STT	Tên ngành, nghề	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
		Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng
1							
2							
3							
4							
5							
...							
	Tổng						

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

5.1. Cơ sở vật chất

a) Trụ sở chính

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)
1	Diện tích toàn trường	
	Trụ sở chính	
	Phân hiệu (nếu có)	
2	Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật	
3	Giảng đường	

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)
4	Phòng chuẩn bị giảng dạy	
5	Phòng hội đồng	
6	Phòng nghỉ cho nhà giáo	
7	Thư viện	
8	Hội trường	
9	Ký túc xá	
10	Nhà ăn (bếp ăn)	
11	Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao	
12	Các phòng, khu chức năng phục vụ thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm của từng ngành, nghề đào tạo	

b) Cơ sở : <báo cáo theo mẫu trên)

5.2. Thiết bị đào tạo

a) Trụ sở chính

STT	Nội dung	Mức độ đáp ứng so với danh mục thiết bị tối thiểu (nếu có) (%)	Mức độ đáp ứng so với chương trình đào tạo (%)
1	Ngành, nghề....		
2	Ngành, nghề....		
...			

b) Cơ sở...: <báo cáo theo mẫu trên)

6. Thông tin về mức độ tự chủ và định hướng phát triển của Trường

STT	Nội dung thông tin	Thông tin của nhà trường	Tài liệu/minh chứng (nếu có)
1	Mức độ tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	Mức 1/Mức 2...	

STT	Nội dung thông tin	Thông tin của nhà trường	Tài liệu/minh chứng (nếu có)
2	Trường đã được các cơ quan chủ quản phê duyệt Đề án phát triển thành trường chất lượng cao/ Trường đã được các cơ quan chủ quản đề xuất bằng văn bản để phát triển thành trường cao đẳng chất lượng cao	Có/không	Quyết định phê duyệt/Công văn
3	Trường tham gia các chương trình, dự án về hỗ trợ đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao...	Liệt kê cụ thể từng chương trình/dự án đã tham gia	Tài liệu (nếu có)
4	Trường được cơ quan chủ quản đề xuất thực hiện chức năng trung tâm vùng, trung tâm quốc gia, cơ sở thực hành nghề chất lượng cao	Có/không (ghi rõ nội dung đề xuất)	Công văn đề xuất (nếu có)

7. Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

7.1. Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Đã kiểm định chất lượng cơ sở GDNN

- Năm kiểm định: (Số, ngày cấp, đơn vị cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định Chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Kết quả:

+ Tổng số điểm:

+ Đạt/không đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN.

b) Dự kiến kiểm định chất lượng trong năm 2025

- Thời gian hoàn thành báo cáo tự đánh giá:

- Thời gian Đoàn đánh giá ngoài khảo sát chính thức tại trường:

7.2. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

STT	Tên chương trình, trình độ	Số, ngày cấp, đơn vị cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định Chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
1		

2		
3		
....		

7.3. Kết quả tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	% So với điểm chuẩn
TỔNG	100		
Tiêu chí 1: Quy mô đào tạo	12	12	100%
Tiêu chuẩn 1.1. Quy mô đào tạo tối thiểu 2.000 học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi); trong đó tối thiểu 1.000 sinh viên hệ cao đẳng. Đối với trường đào tạo lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật là 500 học sinh, sinh viên.	4		
Tiêu chuẩn 1.2. Có chương trình đào tạo là chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc được công nhận tương đương với chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN.	4		
Tiêu chuẩn 1.3. Kết thúc khóa đào tạo, tỷ lệ bỏ học của học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng của toàn trường không vượt quá 20% tổng số tuyển sinh; tỷ lệ bỏ học của học sinh, sinh viên ngành, nghề trọng điểm các cấp độ không vượt quá 10% tổng số tuyển sinh.	4		
Tiêu chí 2: Trình độ nhà giáo	20	20	100%
Tiêu chuẩn 2.1. 100% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên.	4		
Tiêu chuẩn 2.2. Ít nhất 50% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương trở lên; ít nhất 30% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.	4		

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	% So với điểm chuẩn
Tiêu chuẩn 2.3. 100% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, trong đó ít nhất 30% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.	4		
Tiêu chuẩn 2.4. Ít nhất 70% đội ngũ nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên; trong đó nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm là 100%.	4		
Tiêu chuẩn 2.5. Hằng năm, ít nhất 50% đội ngũ nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ.	4		
Tiêu chí 3: Gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và việc làm sau đào tạo	24	24	100%
Tiêu chuẩn 3.1. Hằng năm, trường cung cấp ít nhất 04 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.	4		
Tiêu chuẩn 3.2. Hằng năm, trường có hoạt động hợp tác với trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.	4		
Tiêu chuẩn 3.3. Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 25% tổng thời gian khóa học ngành, nghề trọng điểm các cấp độ, 20% đối với các ngành, nghề khác; có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ.	4		
Tiêu chuẩn 3.4. Các thiết bị đào tạo đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo. Đối với ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có ít nhất 30% thiết bị đào tạo có trình độ công nghệ tiên tiến tại Việt Nam.	4		

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	% So với điểm chuẩn
Tiêu chuẩn 3.5. Hằng năm trường hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.	4		
Tiêu chuẩn 3.6. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% tổng số học sinh hệ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo; đối với ngành, nghề trọng điểm các cấp độ là 90%.	4		
Tiêu chí 4: Quản trị nhà trường	28	28	100%
Tiêu chuẩn 4.1: Trường học có môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, bao gồm các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật; an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.	4		
Tiêu chuẩn 4.2: Trường xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng được người học, nhà giáo, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý đánh giá hoạt động hiệu quả.	4		
Tiêu chuẩn 4.3: Các hoạt động của trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số. Trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ Việt và Anh, có đầy đủ các nội dung: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.	4		
Tiêu chuẩn 4.4: Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 50% môn học, mô đun của ngành, nghề trọng điểm các cấp độ.	4		
Tiêu chuẩn 4.5: Trường triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ nhằm thúc đẩy phát triển các năng lực cá nhân và bảo đảm quyền lợi của người học, nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý. Trường có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả cho người khuyết tật và phục vụ cộng đồng.	4		
Tiêu chuẩn 4.6: Khu vực thực hành bảo đảm đủ điều kiện theo quy định hiện hành về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đào tạo; được sắp xếp theo 3 cấp độ: bảo đảm đào tạo các kỹ năng cơ bản chung, đào tạo các kỹ năng	4		

Nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	% So với điểm chuẩn
chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế.			
Tiêu chuẩn 4.7: Hằng năm trường có bài báo hoặc công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.	4		
Tiêu chí 5: Trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo	16	16	100%
Tiêu chuẩn 5.1: Trong 3 năm gần nhất, trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực và quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia.	4		
Tiêu chuẩn 5.2: Ít nhất 80% các doanh nghiệp được khảo sát khẳng định năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu công việc.	4		
Tiêu chuẩn 5.3: Học sinh, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.	4		
Tiêu chuẩn 5.4: Hằng năm, có ít nhất 01 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.	4		